ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 228 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 12 tháng 10 năm 2024*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Đề án Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Thực hiện Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 29/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ủy ban nhân dân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 29/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Đề án) để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh phù hợp với định hướng phát triển và thực tiễn địa phương.

-Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các ban, ngành, đoàn thể, chính quyền các cấp và sự tham gia tích cực của Nhân dân; nâng cao nhận thức về vai trò của việc phát triển, quản lý sử dụng bền vững các giá trị của hệ sinh thái rừng; phổ biến, khuyến khích người dân, các thành phần kinh tế tại địa phương tham gia thực hiện Đề án.

- Là căn cứ để tổ chức, theo dõi, kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện Đề án.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện kế hoạch phải thống nhất, phù hợp với quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu và tình hình thực tế tại địa phương;

- Các cấp, các ngành, tổ chức, đơn vị có liên quan nêu cao tinh thần trách nhiệm, đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt và chủ động phối hợp triển khai thực hiện đảm bảo kế hoạch đề ra, gắn với kiểm tra, đánh giá định kỳ việc triển khai thực hiện;

- Xác định rõ các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện Đề án một cách đồng bộ, hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên rừng; tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định và nâng

cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, người dân, người làm nghề rừng và người dân sống gần rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống, danh lam thắng cảnh và tri thức bản địa của cộng đồng địa phương; góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Phấn đấu sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng đạt bình quân 500.000 m^3/năm; diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt khoảng 15.000 ha, góp phần nâng cao năng suất, giá trị của rừng trồng và đáp ứng nhu cầu nguyên liệu gỗ cho ngành chế biến gỗ;

- Trồng rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất, phục hồi rừng đặc dụng, phòng hộ với các loài cây trồng chính là cây bản địa, cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm, cây lâm sản ngoài gỗ; góp phần duy trì tỷ lệ che phủ rừng ổn định, phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ che phủ rừng đạt 66,5% - 67,0%;

- Nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, gắn với phát triển các loại hình du lịch sinh thái gắn liền với du lịch tâm linh,...; năng suất và hiệu quả rừng trồng và các hệ thống nông lâm kết hợp; góp phần giảm thiểu tác hại do thiên tai, chống xói mòn, giữ nguồn nước, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Tiếp tục thực hiện thu tiền dịch vụ môi trường rừng, đa dạng hóa và mở rộng các nguồn thu phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Tầm nhìn đến năm 2050:

Đến năm 2050, ngành lâm nghiệp thực sự trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao; phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ; phát huy hiệu quả tiềm năng và lợi thế của tài nguyên rừng và đất rừng gắn với phát triển mạnh mẽ du lịch sinh thái, du lịch tâm linh,... góp phần tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống người dân sống gần rừng, sống bằng nghề rừng; triển khai hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ đa dạng, giá trị gia tăng cao, đóng góp ngày càng nhiều cho sự phát triển bền vững của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Phát triển nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp và nâng cao giá trị cho ngành chế biến gỗ

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các chủ rừng sử dụng giống cây trồng lâm nghiệp có năng suất, chất lượng cao; áp dụng biện pháp trồng rừng thâm canh gỗ lớn, gỗ có chứng nhận quản lý rừng bền vững, không khai thác rừng non, đảm bảo thực hiện các mục tiêu đã đề ra theo Quyết định 234/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2030.

- Liên kết thị trường, tạo mối liên kết chuỗi hành trình sản phẩm gỗ rừng trồng từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ, liên kết giữa chủ rừng và doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để chủ rừng liên kết sản xuất, tiếp cận với thị trường ổn định, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ rừng trồng.

2. Phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu

- Nghiên cứu, khảo nghiệm, chọn các loài cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu, kháng sâu, bệnh hại, phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên của từng vùng sinh thái trong tỉnh.

- Đánh giá, nhân rộng mô hình cây lâm sản ngoài gỗ, dược liệu có giá trị kinh tế cao dưới tán rừng ở một số huyện có diện tích rừng sản xuất lớn như Bình Gia, Đình Lập, Tràng Định,…; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và thực hiện các biện pháp lâm sinh để đánh giá hiệu quả, nhân rộng.

- Phát triển các cơ sở, nhà máy chế biến sản phẩm hàng hóa thương mại gắn kết với các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung theo chuỗi giá trị đáp ứng tiêu chuẩn và yêu cầu của thị trường trong và ngoài tỉnh; đa dạng hóa sản phẩm; xây dựng thương hiệu các sản phẩm OCOP về dược liệu, sản phẩm phù hợp với nét đặc trưng về bản sắc văn hóa dân tộc của đồng bào dân tộc trong tỉnh.

3. Phát triển các hình thức nông, lâm kết hợp

- Xây dựng, nhân rộng các mô hình nông, lâm kết hợp phù hợp với điều kiện thực tế, thực tiễn đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của thị trường.

- Tổ chức hợp tác, liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư công khai, minh bạch, bền vững, hiệu quả; phát huy vai trò, trách nhiệm của các bên; khuyến khích sự tham gia quản lý rừng và chia sẻ lợi ích với cộng đồng, bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

4. Phát triển dịch vụ môi trường rừng

- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án thí điểm kinh doanh tín chỉ cac-bon rừng để tăng nguồn thu cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của trung ương.

- Đa dạng hóa và mở rộng nguồn thu từ các loại dịch vụ môi trường rừng phù hợp với quy định của pháp luật, đặc biệt là dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính, hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh.

- Tăng cường quản lý, hướng dẫn nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng để đầu tư cho bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên rừng; đảm bảo chia sẻ công bằng lợi ích với cộng đồng người dân địa phương.

5. Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Khan thác tiềm năng, tổ chức triển khai xây dựng và thực hiện Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; đẩy mạnh phát triển các mô hình du lịch sinh

thái gắn với các loại hình du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch cộng đồng đối với đồng bào dân tộc, người dân miền núi và người dân sống trong và gần rừng.

- Phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch đặc trưng, đặc sắc gắn với giá trị cảnh quan tự nhiên của hệ sinh thái rừng thể hiện được tính kết nối vùng, liên vùng tạo nên các sản phẩm, hoạt động, thương hiệu du lịch gắn với văn hóa truyền thống địa phương, vùng địa lý.

- Thực hiện các giải pháp quảng bá, tiếp thị, truyền thông giới thiệu và phản hồi về các hoạt động du lịch sinh thái, du lịch nông thôn; sử dụng mạng xã hội, trang thông tin điện tử và tổ chức các sự kiện (hội thảo, hội nghị, hội chợ, triển lãm ảnh,...) để đưa thông tin đến du khách trong và ngoài tỉnh.

- Nghiên cứu thực hiện các giải pháp quản lý chặt chẽ, đánh giá kỹ lưỡng tác động của hoạt động du lịch với bảo vệ, phát triển rừng; xây dựng các tiêu chí, điều kiện phù hợp để các chủ rừng, các doanh nghiệp và người dân được khai thác giá trị rừng phục vụ hoạt động du lịch gắn với bảo vệ rừng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thông qua lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và các Chương trình, đề án, dự án, kế hoạch khác; nguồn ngân sách nhà nước cấp hằng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng.

3. Nguồn xã hội hóa; nguồn vốn tự có, huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đầu tư theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Theo dõi triển khai thực hiện các đề án, dự án, kế hoạch có liên quan đang thực hiện trên địa bàn tỉnh; tổng hợp, đề xuất các dự án, đề án cho giai đoạn 2026-2030;

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến các chính sách, quy định pháp luật liên quan đến chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức nhà nước và các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn.

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng; hướng dẫn cụ thể cho các chủ rừng việc sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đúng mục đích, hiệu quả và đúng quy định; xây dựng cơ chế trong việc kiểm tra, giám sát tại hiện trường theo từng quý trong năm đối với các chủ rừng. Phối hợp chính quyền địa phương, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo đúng quy định pháp luật.

- Tổ chức hướng dẫn, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện, tham mưu UBND tỉnh sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện định kỳ 5 năm và khi kết thúc giai đoạn thực hiện Đề án.

- Thường xuyên đôn đốc, lồng ghép đánh giá tình hình thực hiện, đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện Kế hoạch, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở ngành, UBND các huyện, thành phố (các chủ đầu tư) tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu tư thực hiện các dự án bảo vệ và phát triển rừng theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm. Hướng dẫn hồ sơ thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tìm hiểu, nghiên cứu và thực hiện các dự án, chương trình về phát triển lâm nghiệp.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở ngành cấp tỉnh được giao nhiệm vụ xây dựng và khả năng nguồn ngân sách tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách để thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Khuyến khích, hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp nhằm nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm lâm sản và lâm sản ngoài gỗ. Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp (sáng chế, kiểu dáng công nghiệp) cho sản phẩm công nghiệp của tỉnh.

- Chủ trì đề xuất ưu tiên bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ thực hiện các đề tài nghiên cứu, dự án ứng dụng chuyển giao khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định.

5. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, bổ sung danh mục các loài dược liệu có giá trị về y tế và kinh tế để tham mưu UBND tỉnh ban hành bổ sung vào danh mục các loài dược liệu có thể phát triển và tập trung đầu tư trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương: đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ rừng; rà soát ranh giới, xử lý các trường hợp chồng lấn diện tích đất đai để bảo đảm sử dụng đất ổn định, lâu dài, đúng mục đích.

7. Sở Công Thương

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển thị trường, quảng bá và xúc tiến thương mại các sản phẩm lâm nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) theo quy định.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành và địa phương tăng cường công tác xúc tiến quảng bá, tổ chức giới thiệu các hoạt động du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và trải nghiệm các loại hình du lịch khác trong rừng đến các công ty lữ hành quốc tế và lữ hành nội địa, tăng cường quảng bá du lịch trên các phương tiện truyền thông trong và ngoài tỉnh để thu hút khách du lịch.

- Hỗ trợ các địa phương xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch có nguồn gốc từ rừng gắn với nét văn hóa cổ truyền đặc trưng của mỗi dân tộc tại địa phương.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan hướng dẫn tổ chức các hoạt động du lịch gắn với rừng, trong rừng, tại các khu bảo tồn thiên nhiên…

9. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan có liên quan hướng dẫn, định hướng các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, truyền thông về phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng.

10. Ban Dân tộc

- Phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương tuyên truyền, phổ biến cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa về phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng nhằm phát triển kinh tế, tăng thu nhập xóa đói giảm nghèo.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức các nội dung của Kế hoạch.

11. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Lạng Sơn

Phối hợp với các các sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, xây dựng và phát các bản tin, phóng sự, chương trình phát thanh, truyền hình chuyên đề về phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng.

12. Các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu và nội dung của Kế hoạch đề ra.

13. UBND các huyện, thành phố

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò của việc phát triển, quản lý sử dụng bền vững các giá trị của hệ sinh thái rừng đến các tổ chức, cá nhân đang sinh sống trên địa bàn; phổ biến, khuyến khích người dân, các thành phần kinh tế tại địa phương tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học;

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, cấp giấy chứng nhận sử dụng đất lâm nghiệp; quản lý chặt chẽ việc sử dụng rừng và đất lâm nghiệp đảm bảo thống nhất, đồng bộ quy định của pháp luật về đất đai và lâm nghiệp;

- Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; chú trọng các hoạt động khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng, trồng rừng gỗ lớn gắn với chứng chỉ quản lý rừng bền vững, trồng cây bản địa, trồng dược liệu dưới tán rừng, nhân rộng các mô hình nông lâm kết hợp có hiệu quả;

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển rừng bền vững.

- Chủ động bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách để thực hiện kế hoạch này.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch.

14. Các doanh nghiệp, chủ rừng

Áp dụng các giải pháp kỹ thuật tiên tiến trong tổ chức sản xuất lâm nghiệp, canh tác, quản lý rừng trồng và chế biến, thương mại lâm sản; thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng đất, bảo vệ, phát triển rừng trên diện tích đất được giao; thực hiện tốt các chủ trương, định hướng phát triển lâm nghiệp của tỉnh, các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư để phát triển sản xuất, kinh doanh.

Uỷ ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Bộ NN&PTNT; (b/c)
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- MTTQ, các đoàn thể chính trị - XH tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- C, PVP UBND tỉnh, các Phòng CM, Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh

PHỤ LỤC.

NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁ TRỊ ĐA DỤNG CỦA HỆ SINH THÁI RỪNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

TT	Nhiệm vụ/giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
I	**Phát triển nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp và nâng cao giá trị cho ngành chế biến gỗ**				
1	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các chủ rừng sử dụng giống cây trồng lâm nghiệp có năng suất, chất lượng cao; áp dụng biện pháp trồng rừng thâm canh gỗ lớn, gỗ có chứng nhận quản lý rừng bền vững, không khai thác rừng non trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm	Theo Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của UBNB tỉnh Lạng Sơn.
2	Liên kết thị trường và tạo mối liên kết chuỗi hành trình sản phẩm gỗ rừng trồng từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ, liên kết giữa chủ rừng và doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để chủ rừng liên kết sản xuất, tiếp cận với thị trường ổn định, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ rừng trồng.	UBND các huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ban, ngành	Hàng năm	Các mô hình hợp tác, liên kết được hình thành và đi vào hoạt động đảm bảo hiệu quả, ổn định và cạnh tranh công bằng
II	**Phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu**				

TT	Nhiệm vụ/giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
1	Nghiên cứu, khảo nghiệm, chọn các loài cây lâm sản, lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu; đề xuất các đề tài nghiên cứu, dự án ứng dụng chuyển giao khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp	- Sở Nông nghiệp và PTNT; - Sở Y tế; - Ban Dân tộc tỉnh; - UBND các huyện, thành phố	- Khoa học và Công nghệ; - Sở Tài chính; - Các sở, ban, ngành	Hàng năm	Các loài cây lâm sản, lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu; Đề tài nghiên cứu, dự án khoa học và công nghệ có kinh phí từ ngân sách nhà nước, từ các tổ chức, cá nhân có liên quan
2	Nhân rộng mô hình dược liệu dưới tán rừng	UBND các huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ban, ngành	Hàng năm	Các mô hình được thực hiện và nhân rộng trên địa bàn tỉnh
3	Phát triển các cơ sở chế biến lâm sản ngoài gỗ, dược liệu	UBND các huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ban, ngành	Hàng năm	Các cơ sở chế biến được hình thành, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trên địa bàn tỉnh
III	**Phát triển các hình thức nông, lâm, kết hợp**				
1	Xây dựng và nhân rộng mô hình nông lâm kết hợp có hiệu quả	UBND các huyện, thành phố	Các sở, ban, ngành	Hàng năm	Các mô hình được thực hiện và nhân rộng phù hợp với mỗi địa phương trên địa bàn tỉnh
2	Tổ chức hợp tác, liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng cộng dân cư bền vững, hiệu quả	UBND các huyện, thành phố	Các sở, ban, ngành	Hàng năm	Các mô hình hợp tác, liên kết được hình thành và đi vào hoạt động đảm bảo hiệu quả
IV	**Phát triển dịch vụ môi trường rừng**				

TT	Nhiệm vụ/giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
1	Đề án thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính (tín chỉ Các bon)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, địa phương	Đến năm 2025	Theo đề án thí điểm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Đa dạng hóa và mở rộng nguồn thu từ các loại dịch vụ môi trường rừng phù hợp với quy định của pháp luật, đặc biệt là dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm	Hội nghị, hội thảo, phóng sự, tờ rơi...
3	Tăng cường quản lý, hướng dẫn nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng để đầu tư cho bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên rừng; đảm bảo chia sẻ công bằng lợi ích với cộng đồng người dân địa phương.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm	Văn bản hướng dẫn triển khai, tài liệu tập huấn...
V	**Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí**				
1	Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của các chủ rừng	Các chủ rừng	Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Đến năm 2030	Đề án được UBND tỉnh phê duyệt cho một số chủ rừng là tổ chức; được UBND cấp huyện phê duyệt cho chủ rừng là hộ đình, cá nhân, cộng đồng dân cư

TT	Nhiệm vụ/giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
2	Phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch đặc trưng, đặc sắc	UBND các huyện, thành phố	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm	Các loại hình, sản phẩm du lịch được hình thành và phát triển bền vững
3	Phát triển chiến lược quảng bá, tiếp thị, các kênh truyền thông giới thiệu và phản hồi về các hoạt động du lịch sinh thái	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm	Hội nghị, hội thảo, phóng sự, tờ rơi